

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

Bản án số: 314/2020/HS-PT
Ngày 23 - 6 - 2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**
Ông Đinh Trung Quy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 89/2020/TLPT-HS ngày 14/01/2020 do có kháng cáo của các bị cáo Mai Hữu T, Kiều Xuân V, Nguyễn Văn N, Nguyễn Xuân H và Nguyễn Duy T2, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2019/HS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

** Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Mai Hữu T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1995 tại Vĩnh Phúc;

Nơi cư trú: Tổ 4, phường TN, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; giới T5:N; dân tộc: Kinh; quốc tịch:VN; tôn giáo: Không; con ông Mai Hữu Th, sinh năm 1972 và con bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1978; có vợ là Lê TH, sinh năm 1998 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Năm 2013 bị Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”.

- Năm 2014 bị Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm tù về tội: “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/11/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Kiều Xuân V, tên gọi khác: Không, sinh này 09/10/1997;

Nơi cư trú: Thôn X, xã CH, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; giới T5:N; dân tộc: Kinh; quốc tịch:VN; tôn giáo: Không; con ông Kiều XT, sinh năm 1973 và con bà Nguyễn TB, sinh năm 1972; có vợ là Lê Thị NQ, sinh năm 1997 bị cáo chưa có con; tiền án: Không; tiền sự: Bị Công an huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 2.500.000đ về hành vi “Cố ý gây thương tích”, bị cáo chưa thi hành; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn N, tên gọi khác:N Hấp, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Thôn BC, xã AT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 3/12; giới T5:Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch:VN; tôn giáo: Không; con ông không xác định, con bà Nguyễn TH , sinh năm 1954; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Năm 2011 bị Tòa án nhân dân huyện Nam Từ TL, Thành phố Hà Nội xử phạt 15 tháng tù về tội “Cuồng đoạt tài sản” theo Bản án số 406/2011/HSST ngày 30/11/2011; ngày 09/10/2012 bị cáo chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo tại ngoại, vắng mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Duy T2, tên gọi khác: Không, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Thôn BT, xã TTh, huyện ML, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; giới T5:N; dân tộc: Kinh; quốc tịch:VN; tôn giáo: Không; con ông NDN, sinh năm 1963 và con bà Nguyễn TG, sinh năm 1964; có vợ là Nguyễn Thị KM (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2016; tiền án: Không;

Tiền sự: Có 02 tiền sự:

- Ngày 05/4/2018 bị Công an phường HV, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.250.000đ về hành vi gây thương tích; ngày 27/4/2018 bị cáo thi hành xong;

- Ngày 01/6/2018 bị Công an huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 3.000.000đ về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”; ngày 28/6/2018 bị cáo đã thi hành.

Nhân thân:

- Tại Bản án số 115/2012/HSST ngày 19/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện ML, Thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 48 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”;

- Tại Bản án số 98/2012/HSST ngày 25/10/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã PY, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

- Ngày 13/11/2016 bị Công an huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000đ về hành vi đánh nhau, ngày 24/11/2016 bị cáo đã thi hành;

- Ngày 07/3/2017, bị Công an huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 750.000đ về hành vi đánh nhau, ngày 08/3/2017 bị cáo đã thi hành;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Xuân H, tên gọi khác: Không, sinh năm 1984;

Nơi cư trú: Thôn Do Hạ, xã Tiên Phong, huyện ML, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; giới T5:N; dân tộc: Kinh; quốc tịch:VN; tôn giáo: Không; con ông NXX, sinh năm 1958 và con bà Nguyễn HNs, sinh năm 1962; có vợ là Bùi HN, sinh năm 1988 và có 02 con, con lớn Nh2 sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 31/3/2013 bị Công an huyện ML, Thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000đ về hành vi đánh nhau gây thương tích, đến ngày 12/6/2019 bị cáo mới thi hành xong;

Nhận thân:

- Tại Bản án số 115/2011/HSST ngày 29/6/2011 của Tòa án nhân dân huyện DA, Thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 10 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”;

- Ngày 07/3/2017 bị Công an huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau;

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Mai Hữu T*: Ông Hà TTh, Luật sư Văn phòng Luật sư Hà TTh và cộng sự, thuộc Đ5 Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đàm Duy Kh (Kh đen) ở xã Vĩnh Thịnh, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc cùng với Nguyễn Duy T2 ở xã TTh, huyện ML, Thành phố Hà Nội và Nguyễn Xuân H chung nhau mở quán cầm đồ Đại Thắng 3 ở xã Vĩnh Thịnh, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc do Đàm Duy Kh làm quản lý. Khoảng 19h00’ ngày 18/11/2018 Phan Văn Q, Trịnh Đình Th2 và một số đối tượng cùng nhau ngồi ăn uống tại trang trại của Đàm Duy Kh ở xã Vĩnh Thịnh, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến khoảng 20h cùng ngày, sau khi ăn uống xong thì Q và Th2 đi xe máy ra thị trấn VT, huyện VT chơi, còn lại Tr3, Nh2, Th2, T5, Đ5 vẫn ở lại trang trại của Kh. Khi Q và Th2 đi đến dốc đê Trung ương thuộc xã Vĩnh Thịnh, huyện VT thì Q, Th2 bị một nhóm người chặn đánh trong đó Q, Th2 nhận ra một người là Nguyễn Văn N (thường gọi là N hấp) làm ở quán cầm đồ Sơn Loan của Nguyễn TS, sinh năm 1983, trú tại xã Vĩnh Thịnh, huyện VT và 01 người gọi là “Tròn”. Q chạy thoát được và gọi điện thoại cho Tr3 nói là Q, Th2 bị đánh ở dốc đê, Th2 hiện vẫn đang bị đánh. Thấy vậy Tr3, Th2, Nh2 đi xe máy ra dốc đê, còn Đoàn, T5 ở lại trang trại. Khi đến dốc đê Trung ương thì Tr3, Th2, Nh2 chỉ thấy một mình Th2 nằm ở ven dốc đê gần chiếc xe

máy, Th2 bị các đối tượng đâm đá bị thương ở phần mềm. Ngay sau đó, Tr3 điều khiển xe máy chở Th2 đến Trung tâm y tế huyện VT khám. Khi đến Trung tâm y tế huyện VT, Tr3 gọi điện thoại cho Nguyễn Duy T2 với nội dung là Q, Th2 bị nhóm làm ở quán cầm đồ Sơn Loan đánh đang đưa vào Bệnh viện và bảo T2 lên xem thế nào. T2 đồng ý, sau đó T2 gọi điện thoại cho Nguyễn Xuân H thông báo cho H biết việc Q, Th2 bị nhóm người làm ở quán cầm đồ Sơn Loan đánh đang đưa vào Bệnh viện thì ngay sau đó H một mình điều khiển xe ô tô BKS: 30E - 227.94 của H đi từ xã Tiên Phong, huyện ML lên xã Vĩnh Thịnh, huyện VT. Sau đó Tr3 còn gọi điện thoại cho Nguyễn với nội dung thông báo cho Nguyễn biết việc Q, Th2 bị nhóm làm ở quán cầm đồ Sơn Loan đánh đang đưa vào Bệnh viện. Khoảng 30 phút sau thì T2 một mình điều khiển xe ô tô BKS: 30F - 323.02 còn Nguyễn đi xe taxi cùng đến Trung tâm y tế huyện VT. Đến khoảng 21h cùng ngày, Th2 khám xong và do vết thương nhẹ nên Th2 được cho về. Tr3 gửi xe máy lại Bệnh viện và cùng Th2 đi taxi, còn Nguyễn, Th2, Nh2 đi cùng xe ô tô với T2 về trang trại của Kh đen. Khi về đến trang trại thì Đoàn, T5, Nguyễn, Th2, Nh2, Tr3 và Th2 xuống xe, còn T2 lái xe đi lòng vòng nhiều lần trên tuyến đường từ đề Trung ương đến trụ sở UBND xã Vĩnh Thịnh với mục đích xem nhóm làm ở quán cầm đồ Sơn Loan có tụ tập để đánh nhóm của Tr3 nữa không nhưng không thấy gì nên T2 điều khiển xe đi về. Trên đường về, khi đi đến đề Trung ương thì T2 gặp H đang điều khiển xe ô tô đi ngược chiều. T2 gọi điện thoại cho H thông báo việc Th2 chỉ bị xây xước nhẹ không việc gì, sau đó T2, H xuống xe nói chuyện với nhau và thống nhất việc T2, H sẽ đến đón nhóm của Tr3 đang ở trang trại của Kh đen về, không làm cầm đồ ở xã Vĩnh Thịnh nữa vì thường xuyên xảy ra đánh nhau. Tại trang trại, sau khi T2 điều khiển xe rời khỏi trang trại một lúc sau thì Q một mình đi bộ về trang trại, ngay sau đó Nguyễn Văn Tiến cũng đến trang trại và tất cả nhóm cùng ngồi uống nước tại trang trại của Kh đen.

Khoảng 10 phút sau có một nhóm người, bao gồm: Kiều Xuân V; Nguyễn Văn Xâm, Đỗ Văn Khánh, Vũ Đức Hg, Nguyễn Văn N, Dương Tiến N mỗi người cầm theo 01 con dao phóng lộn do V, Hg, Khánh lấy từ quán cầm đồ Sơn Loan (dao phóng lộn là một đoạn gậy sắt, có gắn dao nhọn) đến trang trại của Kh đen, đứng ở lối vào trang trại và chửi bới, đe dọa. Do bị nhóm V chửi bới thì Tr3 gọi điện thoại cho Mai Hữu T (là chủ quán cầm đồ Hữu T ở phường TN - thành phố PY) bảo lên đón mình về, Tr3 tiếp tục gọi điện thoại cho Bùi Duy Tình (là lái xe hãng Taxi Thành Công) bảo Tình ra ngã tư đường tàu thuộc phường TN - thành phố PY đón T. Sau đó Tr3 cầm 01 tuýp sắt lấy ở trong bếp của trang trại, còn T5, Nh2, Th2, Th2, Q, Tiến và Đ5 đều cầm tuýp sắt, dao, dao phóng lộn chạy ra, hô hào, dồn đuổi đánh nhóm của V thì nhóm của V bỏ chạy ra đứng ở ngã ba đầu ngõ đi vào thôn Môn Trì thì nhóm của Tr3 quay trở về trang trại. Tr3 bỏ tuýp sắt lại tại trang trại rồi điều khiển xe máy BKS: 88L1 - 305.66 của Nguyễn chở Tiến ngồi sau cầm 01 dao mèo và 01 dao đuôi theo nhóm của V để đánh. Khi xe của Tr3 đến Tiến đi đến ngã tư giao nhau với đường đề Trung ương đi xuống thì bị nhóm của V gồm: Xâm, Khánh, Hg, V, Nguyễn Văn N và Dương Tiến N cầm dao phóng lộn, dao và nhật gạch ném nên Tr3, Tiến nhảy xuống xe bỏ chạy quay lại trang trại, khi chạy đến lối rẽ vào trang trại thì gặp nhóm của Tr3. Tr3 bảo mọi người chạy quay

lại, rồi tất cả nhóm của Tr3 đứng trong trang trại, còn nhóm của V đuổi đến đầu đường vào trang trại và đứng chửi bới, cầm gạch đá ném về phía nhóm của Tr3; nhóm của Tr3 đứng trong trang trại cũng chửi bới và thách thức, dùng gạch đá ném lại khoảng từ 05 đến 10 phút thì nhóm của V bỏ đi ra đứng ở khu vực ngã ba đầu lối vào thôn Môn Trì, còn tất cả nhóm của Tr3 vẫn ở lại trang trại.

Sau khi nhận được điện thoại của Tr3 thì T lần lượt gọi điện thoại cho Phạm Văn Phú, Mai Hùng Dương và Nguyễn Văn Minh bảo đi cùng T thì Phú, Dương, Minh đều đồng ý. T xách 01 túi ba lô màu đỏ bên trong đựng 01 khẩu súng tự chế, 02 viên đạn (trong đó có 01 viên đã nạp sẵn vào súng) ở quán cầm đồ của T ở phường TN - thành phố PY ra đứng ở cửa quán; tại đây T tiếp tục gọi điện thoại cho Nguyễn Văn Phúc (là lái xe hãng Taxi Thịnh Hưng) bảo Phúc đi đón Phú, Minh. Một lúc sau thì Phú, Minh, Dương đến quán cầm đồ của T. Sau đó Tình điều khiển xe ô tô BKS: 88A - 080.85 đến đón T, Phú, Dương và Minh tại quán cầm đồ của T để đi đến xã Vĩnh Thịnh - huyện VT. Trên đường đi Phú, Minh, Dương hỏi T là: “Đi đâu?” thì T trả lời là: “Đi lên đón anh Tr3”. Khi đi đến đoạn đường đê Trung ương hướng đi xã Vĩnh Thịnh thì nhóm của T gặp xe ô tô do T2 điều khiển và xe ô tô do H điều khiển. Tại đây T bảo Minh, Dương xuống xe và lên xe ô tô của T2 ngồi; lúc này trên xe do Tình điều khiển Phú vẫn ngồi vị trí cũ, T ngồi ở vị trí sau ghế phụ còn Tình điều khiển xe; xe T2 lái chở Minh, Dương, xe còn lại một mình H lái. Sau đó cả 03 xe ô tô đi xuống dốc đê hướng đến xã Vĩnh Thịnh. Khi 03 xe ô tô đi đến đoạn đường gần ngã ba thuộc thôn Môn Trì - xã Vĩnh Thịnh thì có 09 người trong nhóm của V gồm: Nguyễn Văn Xâm, Đỗ Văn Khánh, Vũ Đức Hg, Lê Văn Dũng, Nguyễn Duy Hải, Kiều Xuân V, Nguyễn Văn N, Nguyễn Tiến Minh và Dương Tiến N tay cầm dao phóng lộn, kiếm, gạch đang đứng ở đầu ngõ (phía bên trái 03 xe ô tô) lao đến, đồng thời hô hoán thì T mở túi ba lô lấy súng ra, lúc này cửa kính của xe ô tô đang trong trạng Th2 hạ xuống. T cầm súng giơ qua mặt Phú (lúc này Phú đang ngủ), nòng súng thò qua cửa kính và chĩa thẳng về phía nhóm của V; T bóp cò súng nổ 01 phát trúng vào người Dương Tiến N; sau khi bắn xong T rút súng lại, đồng thời Tình điều khiển xe ô tô chạy thẳng khi đến bên phải Vĩnh Thịnh thì T bảo Tình điều khiển xe quay lại cùng xe hai xe ô tô đi thẳng theo hướng lên đê Trung ương. Khi 03 xe ô tô đi gần đến ngã ba thuộc thôn Môn Trì thì một số người trong nhóm của V vẫn đang đứng tại đây, thấy 03 xe ô tô quay lại nên nhóm của V bỏ chạy về phía trong ngõ. Lúc này T lấy viên đạn thứ hai còn lại trong túi ba lô lắp vào súng rồi chĩa nòng súng qua cửa kính bên phải hướng thẳng về nhóm của V bóp cò, súng bắn 01 phát trúng vào người Lê Văn Dũng đang ngồi trên xe máy quay lưng lại bỏ chạy. Sau khi bắn thì ốp súng bị rơi ra ngoài xe, T chỉ giữ được phần cò và phần nòng súng. Sau khi T bắn xong phát đạn thứ hai thì Tình điều khiển xe đi nhanh hướng lên đê Trung ương được khoảng 50m thì T bảo Tình điều khiển xe quay lại để nhặt ốp súng nên Tình quay xe lại. Khi xe đến ngã ba thôn Môn Trì, T bảo Tình xuống xe tìm nhặt ốp súng còn T, Phú vẫn ngồi trên xe. Tình xuống xe tìm nhặt được ốp súng lên xe đưa cho T. T cất 03 phần của súng là phần cò, phần ốp súng và phần nòng súng vào trong túi ba lô. Sau đó, Tình điều khiển xe ô tô chở T, Phú đi thẳng về huyện ML, còn xe ô tô do T2, H điều khiển cũng đi thẳng về huyện ML. Khi xe ô tô của Tình đi đến khu vực gần cổng Tr3 cấp 3 xã Tự

Lập - huyện ML gặp xe ô tô của T2 thì 02 xe ô tô dừng lại. T trả cho Tình 600.000đ tiền cước Taxi và nhờ Tình đưa khẩu súng tự chế (súng đựng trong túi màu đỏ vẫn để trên xe của Tình) cho Phúc thì Tình đồng ý. Sau đó T, Phú xuống xe của Tình và lên xe do T2 lái. Trên xe có T2 lái xe chở Dương, Minh, T, Phú về nhà. Trên đường đi T nói cho T2, Phú, Minh, Dương biết việc T vừa sử dụng súng bắn người tại xã Vĩnh Thịnh. Sau đó T, T2, H, Phú, Minh, Dương đều bỏ trốn. Hậu quả của hành vi T dùng súng bắn đã làm anh Dương Tiến N tử vong, anh Lê Văn Dũng bị thương phải đi Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc điều trị từ ngày 19/11/2019 đến ngày 03/12/2018 thì ra viện.

Tại bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 42/KLGD ngày 03/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

“1. Các kết quả chính:

- Trên tử thi anh Dương Tiến N có nhiều lỗ thủng khuyết da, cơ tập trung mặt trước cơ thể từ vùng đỉnh – trán – mặt – mặt trước cổ - ngực.

- Nhu mô não phù, thùy trán hai bên tụ máu.

- Tổ chức da cơ vùng ngực tụ máu, cơ gian sườn thủng thông vào khoang ngực. Trong khoang ngực nhiều máu. Xương ức tụ máu.

- Phổi hai bên nhợt, phổi trái thủng nhu mô.

- Chảy máu màng ngoài tim, thủng thất trái thông vào trong buồng tim.

- Thủng nhu mô gan.

- Tụ máu bờ cong nhỏ dạ dày.

2. Nguyên nhân chết của anh Dương Tiến N: Vết thương thấu ngực, thủng tim, phổi trên người bị đa vết thương.

3. Cơ chế hình thành vết thương: Các lỗ thủng khuyết da, cơ, nhu mô trên cơ thể anh Dương Tiến N do mảnh đạn ghém gây nên”.

Tại Bản kết luận giám định số 1750/KLGD ngày 26/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Không phát hiện cồn (Ethanol) trong mẫu chất lỏng màu nâu đỏ ghi là máu thu của tử thi Dương Tiến N”.

Tại Bản kết luận giám định số 1766/KLGD ngày 29/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Không phát hiện thấy thành phần các chất ma túy thường gặp (Morphine, Codeine, Heroine, Methamphetamine, MDMA, Ketamine, Δ^9 - THC) trong mẫu chất lỏng màu nâu đỏ ghi là máu thu của tử thi Dương Tiến N”.

Tại Bản kết luận giám định số 6518/C09(TT3) ngày 20/12/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

“- Dấu vết màu nâu nghi máu ghi thu tại vị trí số 1 ở hiện Tr3 là máu người và là máu của tử thi Dương Tiến N.

- Dấu vết màu nâu nghi máu ghi thu tại vị trí số 6 ở hiện Tr3 là máu người và là máu của một người N giới, không phải là máu của tử thi Dương Tiến N.”

Tại Bản kết luận giám định số 6547/C09-P2 ngày 07/12/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “Trong mẫu vật gửi giám định đều có tìm thấy sản phẩm của thuốc nổ đen”.

Tại Bản kết luận giám định số 6521/C09(P3) ngày 06/12/2018 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “02 mẫu vật bằng nhựa gửi đến giám định là thành phần của đạn ghém cỡ 12, không phải đạn quân dụng. Đạn ghém cỡ 12 sử dụng bắn được bằng súng săn cỡ 12, súng tự chế bắn đạn ghém cỡ 12”.

Tại Bản kết luận giám định số 6553/C09-P2 ngày 11/01/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “Trên các mẫu có ký hiệu A4 và A5 (02 mẫu vi vết thu tại ghế sau bên phải của xe) đều có tìm thấy dấu vết thuốc súng”.

Tại Bản kết luận giám định số 1754/KLGD ngày 27/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “03 mẫu vật gửi giám định là bộ phận chế tạo súng, khi lắp ghép lại tạo thành 01 khẩu súng H chỉnh, loại súng tự chế bắn đạn rìa (đạn ghém, đạn hoa cải), súng hoạt động bình thường (bắn được) và có T5 năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 – Luật số 14/2017/QH14 do Quốc hội ban hành ngày 20/6/2017 về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ”.

Tại Bản kết luận giám định số 6681/C09-P2 ngày 11/01/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “Trên nẹp (roong kính) bằng cao su màu đen phía trong, bên dưới cửa sau bên trái có tìm thấy dấu vết thuốc súng”.

Tại Bản kết luận giám định số 1063/KLGD ngày 17/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “Khi sử dụng khẩu súng gửi giám định bắn ở các khoảng cách 05m, 10m, 15m, 20m thì có khả năng sát thương (chết hoặc bị thương). Độ tỏa của đầu đạn khi bắn ra ở các khoảng cách 05m, 10m, 15m, 20m lần lượt là (dài x rộng): 19,6cm x 19cm; 49,5cm x 43cm; 83,5cm x 55cm; 86cm x 61cm”.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 16/TgT ngày 11/3/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Phúc đối với anh Lê Văn Dũng đã kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Sẹo vết thương phần mềm mặt ngoài gót chân phải trùng lên vết sẹo mổ hiện tại còn mang dị vật, xếp 04%.

- Sẹo vết thương phần mềm mông bên trái, xếp 01%.

- Sẹo vết thương phần mềm 1/3 trên mặt ngoài đùi phải, xếp 01%.

- Sẹo vết thương phần mềm 1/3 dưới mặt ngoài đùi trái, xếp 02%.

- Sẹo vết thương phần mềm 1/3 dưới lưng phải cách cột sống về phía ngoài 9,5cm, xếp 01%.

- Sẹo vết thương phần mềm 1/3 dưới lưng phải cách cột sống về phía ngoài 02cm, xếp 01%.
- Sẹo vết thương phần mềm mặt ngoài chân trái, xếp 01%.
- Sẹo vết thương phần mềm 1/3 trên mặt sau cẳng tay trái, xếp 02%.
- Cơ chế hình thành vết thương: Thương tích đã mô tả trên có thể là do hỏa khí gây nên.
- Hiện tại: Các thương tích đã mô tả trên không ảnh hưởng thẩm mỹ.
- Các thương tích đã mô tả trên không có trong danh mục đánh giá để lại cố tật.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên ở thời điểm hiện tại: Căn cứ Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12/6/2014 quy định tỷ lệ tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y – Pháp y tâm thần tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 12% theo nguyên tắc cộng lùi”.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2019/HS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã Q định:

Tuyên bố bị cáo Mai Hữu T phạm tội “Giết người”; các bị cáo Kiều Xuân V, Nguyễn Văn N phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”; các bị cáo Nguyễn Duy T2, Nguyễn Xuân H phạm tội “Không tố giác tội phạm”.

Áp dụng điểm a, 1, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt Mai Hữu T tù chung thân về tội “Giết người”, thời hạn tù T5 từ ngày bắt 30/11/2018.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Kiều Văn V 02 năm 03 tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 năm 03 tháng tù đều về tội “Gây rối trật tự công cộng”; thời hạn tù T5 từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Duy T2 01 năm 09 tháng tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 01 năm 06 tháng tù đều về tội “Không tố giác tội phạm”; thời hạn tù T5 từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn Q định hình phạt tù và phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo khác trong vụ án với mức hình phạt từ 01 năm đến 02 năm 06 tháng; buộc nghĩa vụ nộp án phí, xử lý vật chứng và T2 quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/12/2019 các bị cáo Nguyễn Duy Tiên, Nguyễn Xuân H, ngày 13/12/2019 các bị cáo Nguyễn Văn N, Kiều Xuân V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; ngày 10/12/2019 bị cáo Mai Hữu T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày như sau:

- Bị cáo Mai Hữu T trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm quy kết. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng với mức án như bản án sơ

thảm xử phạt đối với bị cáo là quá cao so với hành vi phạm tội của bị cáo. Bởi vì, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, như: Sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú, quá trình điều tra bị cáo khai báo thành khẩn, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại, gia đình bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, vợ bị cáo còn trẻ, con còn nhỏ; hơn nữa sự việc xảy ra do phía bị hại đã tấn công bị cáo trước nên bị cáo bị kích động. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Kiều Xuân V trình bày: Bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình nên đã thành khẩn khai báo, bản thân bị cáo lần đầu phạm tội, ít am hiểu pháp luật, đồng thời là lao động chính trong gia đình lại phải nuôi bố mẹ già. Vì vậy, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Nguyễn Xuân H trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như bản án sơ thẩm đã quy kết, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt. Bởi vì, bị cáo thật sự hối hận, khai báo thành khẩn; đã cung cấp thông tin giúp cơ quan Công an tỉnh Hà Tĩnh, Công an huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An phát hiện bắt giữ các đối tượng mua bán trái phép chất ma túy.

- Bị cáo Nguyễn Duy T2 trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên, bản thân bị cáo luôn chấp hành nghiêm quy định của luật, bản thân bị cáo là trụ cột trong gia đình, có ông ngoại là người có công; bị cáo giúp Cơ quan Công an tỉnh Hà Tĩnh phát hiện, bắt giữ đối tượng Nguyễn Sơn buôn bán trái phép chất ma túy, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích đánh giá chứng cứ cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử quy kết các bị cáo như bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi xét xử cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng T5 chất, hành vi phạm tội của các bị cáo nên đã xử phạt bị cáo mức án như bản án sơ thẩm là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm T, N, V không có thêm tình tiết gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của cả ba bị cáo. Đối với bị cáo T2, H sau khi phạm tội đã tích cực giúp cơ quan có trách nhiệm phát hiện điều tra tội phạm; đây là những tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, nên có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo để giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Hữu T, Kiều Xuân V và Nguyễn Văn N; chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Xuân H, Nguyễn Duy T2, sửa bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Mai Hữu T phát biểu bào chữa cho bị cáo: Không tranh luận gì về tội danh đối với bị cáo, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bởi vì, nguyên nhân phạm tội xuất phát từ việc gây rối, trái pháp luật của nhóm cầm đầu Sơn Loan dẫn đến bị cáo phạm tội; bản thân bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, khai báo thành khẩn; đã tác động với gia đình bồi thường toàn bộ

trách nhiệm dân sự cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có nhân thân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn N vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ; xét bị cáo chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, không bị cáo kháng cáo, kháng nghị theo hướng bất lợi. Do đó, việc vắng mặt của bị cáo không ảnh hưởng đến việc xét xử cũng như ra bản án theo hướng bất lợi cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ 351 Bộ luật tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của từng bị cáo như bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị cáo khác trong vụ án, lời khai người bị hại và các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra. Đặc biệt là các kết luận giám định. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Xuất phát từ việc hai nhóm đối tượng có mâu thuẫn nhau, nên các đối tượng, trong đó có Kiều Xuân V và Nguyễn Văn N tụ tập chuẩn bị hung khí là dao, kiếm, đao đánh nhau gây mất trật tự tại địa phương; bị cáo T khi nghe tin đã chuẩn 01 khẩu bị súng tự chế, 02 viên đạn giấu trong túi ba lô; khi đến gần ngã ba thôn Môn Trì, xã Vĩnh Thịnh, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc thì gặp nhóm đối phương cầm hung khí lao đến, T đã mở túi lấy súng thò qua cửa kính xe ô tô bắn thẳng về nhóm đối phương, làm anh Dương Tiến N trúng đạn, sau đó T yêu cầu Tình lái xe quay lại bắn tiếp phát thứ hai làm trúng anh Lê Văn Dũng; hậu quả anh N và anh Dũng bị thương được đưa đi cấp cứu, nhưng do vết thương quá nặng anh N đã tử vong, anh Dũng thiệt hại 12% sức khỏe. Sau khi gây án, Mai Hữu T đã nói lại chuyện mình nổ súng bắn vào nhóm đối phương cho T2, H biết. Tuy nhiên, các bị cáo đã bỏ trốn. Hành vi đó của bị cáo Kiều Xuân V, Nguyễn Văn N đã phạm vào tội “Gây rối trật tự công cộng” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Mai Hữu T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với tình tiết định khung tăng nặng là giết từ 02 người trở lên, bằng thủ đoạn làm chết nhiều người và có T5 chất côn đồ được quy định tại các điểm a, l, n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự; hành vi của các bị cáo Nguyễn Duy T2, Nguyễn Xuân H đã cấu thành tội “Không tố giác tội phạm”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 390 Bộ luật hình sự. Bản án sơ thẩm quy kết đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy:

[3.1] Đối với các bị cáo Mai Hữu T, Kiều Xuân V và Nguyễn Văn N: Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình với đánh giá, nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm về T5 chất, hành vi phạm tội của các bị cáo. Khi xét xử cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng T5 chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt các bị cáo mức án như bản án sơ thẩm là

có căn cứ, phù hợp. Đặc biệt, các bị cáo đều là những đối tượng có nhân thân xấu, đã từng bị đưa ra xét xử bằng những hình phạt nghiêm khắc, cũng như nhiều lần bị xử lý hành chính, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu chí làm ăn, chứng tỏ các bị cáo là những đối tượng coi thường pháp luật, không chịu cải tạo, nên cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo với mức án như bản án sơ thẩm là không cao; tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không có thêm tình tiết gì mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ;

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Duy T2 và Nguyễn Xuân H là hai bị cáo tuy có đến nơi xảy ra sự việc, nhưng mục đích của các bị cáo không phải đi để đánh nhau, cũng như không tham gia đánh nhau gây rối mất trật tự. Tuy nhiên, khi nghe Mai Hữu T cho biết đã nổ súng vào nhóm đối phương, các bị cáo đã không tổ giác, hoặc trình báo với cơ quan hữu quan về sự việc xảy ra, ngược lại bỏ trốn, gây khó khăn cho việc điều tra. Nhưng xét tại thời điểm các bị cáo bỏ trốn chưa biết được hậu quả như thế nào, sau khi biết được các bị cáo đã tự nguyện đến cơ quan Điều tra để tự thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, cả hai bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải nên đã khai báo thành khẩn và nhận thức được hành vi của mình. Sau khi phạm tội cả hai bị cáo tích cực giúp đỡ cơ quan Công an phát hiện, điều tra tội phạm. Cụ thể, bị cáo Nguyễn Duy T2 đã giúp Công an tỉnh Hà Tĩnh phát hiện đường dây mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy do đối tượng Nguyễn Sơn cầm đầu, bị cáo Nguyễn Xuân H cung cấp thông tin cho Công an phát hiện đường dây mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy do đối tượng Nguyễn Văn Đức cầm đầu, giúp Công an huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An bắt đối tượng Lương Phò Phôm mua bán trái phép chất ma túy được Phòng PV 06 Công an tỉnh Hà Tĩnh, cũng như Công an huyện Kỳ Sơn xác nhận tại các Công văn số 186/CV-CSĐT ngày 16/6/2020, ngày 18/12/2019 và ngày 27/12/2019. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự mới phát sinh tại cấp phúc thẩm mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng đối với hai bị cáo, nên cần áp dụng cho các bị cáo. Hơn nữa, tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai bị cáo đã thật sự ăn năn hối cải, các bị cáo có H cảnh khó khăn, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ hình phạt cho cả hai bị cáo là có căn cứ, thể hiện được chính sách nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải. Nhưng các bị cáo có nhân thân xấu nên không đủ điều kiện được hưởng án treo.

[3] Về án phí: Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm, các bị cáo được chấp nhận kháng cáo không phải nộp án phí phúc thẩm.

[4] Các Q định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Mai Hữu T, Kiều Xuân V,

Nguyễn Văn N; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Duy T2, Nguyễn Xuân H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 67/2019/HS-ST ngày 04/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Áp dụng điểm a, l, n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo Mai Hữu T tù chung thân về tội “Giết người”. Thời hạn tù T5 từ ngày bắt tạm giam bị cáo (30/11/2018)

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo Kiều Xuân V 02 năm 03 tháng tù; phạt bị cáo Nguyễn Văn N 02 năm 03 tháng tù đều về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Thời hạn tù T5 từ ngày bắt các bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 390; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo Nguyễn Duy T2 12 tháng tù; phạt bị cáo Nguyễn Xuân H 09 tháng tù đều về tội “Không tố giác tội phạm”. Thời hạn tù T5 từ ngày bắt các bị cáo đi thi hành án.

Về án phí: Các bị cáo Mai Hữu T, Kiều Xuân V, Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm; các bị cáo Nguyễn Duy T2, Nguyễn Xuân H không khai nộp án phí phúc thẩm.

Các Q định khác của Bản án sơ thẩm số: 67/2019/HS-ST ngày 04/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T2 án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc (05 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc, TP.Hà Nội;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các bị cáo (qua trại tạm giam và theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm